

Số/ No.: VLAB0-260626-065/2

Ngày phát hành/ Issue date : 03/07/2026

Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY TNHH HẢI THỊNH BẮC GIANG**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: **Thôn Đồng Tâm, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: **26/06/2026**  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: **26/06/2026 đến 03/07/2026**  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **GIÒ JAM BON HẢI THỊNH**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of Laboratory



**Phạm Lê Tiến Khánh**

**Tổng giám đốc**  
General Director



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bạc Liêu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Cà Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau

Số/ No.: VLAB0-260626-065/2

Ngày phát hành/ Issue date : 03/07/2026

Trang/ Page : 2/2

## Kết quả/ result

| TT No. | Chỉ tiêu<br>Parameter                                                            | Phương pháp phân tích<br>Test method    | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result     | LOQ  |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|-----------------------|------|
| 1.     | Năng lượng từ béo, carbohydrat, đạm/<br>Calories from Fat, Carbohydrate, Protein | Tính toán/Calculated(a)                 | kcal/100g      | 307                   | -    |
| 2.     | Hàm lượng Đạm/ Enumeration of Protein                                            | TCVN 3705:1990(a)                       | g/100g         | 21.6                  | -    |
| 3.     | Hàm lượng chất Béo tổng/<br>Enumeration of total Fat                             | TCVN 8136:2009(a)                       | g/100g         | 23.8                  | -    |
| 4.     | Hàm lượng Carbohydrate/<br>Determination of Carbohydrate                         | TCVN 4594:1988(a)                       | g/100g         | 1.7                   | -    |
| 5.     | Hàm lượng Natri (Na)/Determination of Sodium                                     | VLAB-CH-TP-204<br>(Ref. AOAC 969.23)(a) | mg/kg          | 539                   | -    |
| 6.     | Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/<br>Enumeration of aerobic microorganisms   | ISO 4833- 1:2013/Amd 1:2022(a)          | CFU/g          | 4.5 x 10 <sup>3</sup> | -    |
| 7.     | Phát hiện Salmonella spp./Detection of Salmonella spp.                           | ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)           | /25g           | KPH/ND                | -    |
| 8.     | Định lượng Coliform/Enumeration of Coliform                                      | TCVN 6848:2007/ISO 4832:2006(a)         | CFU/g          | KPH/ND                | -    |
| 9.     | Định lượng E. coli/Enumeration of Escherichia coli                               | ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)          | CFU/g          | <1                    | -    |
| 10.    | Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content                                             | AOAC 2015.01(a)                         | mg/kg          | KPH/ND                | 0.01 |
| 11.    | Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content                                       | AOAC 2015.01(a)                         | mg/kg          | KPH/ND                | 0.01 |
| 12.    | Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content                                         | VLAB-CH-TP-200<br>(Ref.AOAC 986.15)(a)  | mg/kg          | KPH/ND                | 0.08 |
| 13.    | Hàm lượng Nitrit/Determination of Nitrite content                                | TCVN 7992:2009 (a)                      | mg/kg          | KPH/ND                | 15   |
| 14.    | Tetracycline                                                                     | VLAB-CH-TP-609(a)                       | µ/kg           | KPH/ND                | 2    |
| 15.    | Định tính axit boric và muối borat/Qualitative of boric acid and sodium borate   | TCVN 8895:2012 (a)                      | mg/kg          | KPH/ND                | 60   |

**Ghi chú/ Remark(s):** Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau